ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG 2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/QĐ-UBND	*Phường 2, ngày 03 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của phường 2

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND Thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND, ngày 29/12/2023 của HĐND Phường 2 về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của của Công chức Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của phường 2 *(các biểu kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Phường, Công chức Tài chính - Kế toán Phường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Nhật Lê Vinh

Nơi nhận:
- Phòng TC-KH TPTN;
- Đảng ủy Phường;
- HĐND Phường;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-UBND, ngày 03/01/2024 của UBND Phường 2)

Đơn vị: Nghìn đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**7.161.917**	**TỔNG SỐ CHI**	**7.161.917**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	507.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ [1]	5.854.901	II. Chi thường xuyên	7.023.335
III. Thu bổ sung	90.600	III. Dự phòng	138.582
- Bổ sung cân đối	0		
- Bổ sung có mục tiêu	90.600		
IV. Thu chuyển nguồn	709.416		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

Biểu 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 06/QĐ-UBND, ngày 06/01/2024 của UBND Phường 2)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung thu	DỰ TOÁN	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	**7.752.000**	**7.161.917**
I	**Các khoản thu 100%**	**507.000**	**507.000**
	- Phí, lệ phí	495.000	495.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	- Thu từ TS được xác lập quyền sở hữu NN theo quy định		
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	- Thu khác	12.000	12.000
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**7.245.000**	**5.854.901**
1	**Các khoản thu phân chia**	**1.329.000**	**1.329.000**
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.329.000	1.329.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		0
	- Lệ phí trước bạ nhà đất		
2	**Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định**	**5.916.000**	**3.919.440**
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.000	48.000
	- Thuế giá trị gia tăng	3.744.000	3.744.000
	- Thuế TNCN	2.124.000	127.440
3	**Hưởng do huyện thu xã hưởng**		**606.461**
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		**709.416**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**		**90.600**
	- Thu bổ sung cân đối		
	- Thu bổ sung chênh lệch lương		
	- Thu bổ sung có mục tiêu		90.600

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

Biểu 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 03/QĐ-UBND, ngày 03/01/2024 của UBND Phường 2)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	**7.161.917**		**7.161.917**
	Trong đó			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao CN			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	178.440		178.440
	- Trong đó KP TTHTCĐ	*96.160*		*96.160*
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục thể thao	13.000		13.000
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000		50.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	355.936		355.936
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể. Trong đó:	4.275.938		4.275.938
	- Kinh phí QLNN	*2.388.816*		*2.388.816*
	- Kinh phí Đảng	*806.083*		*806.083*
	- Kinh phí MTTQ	*311.530*		*311.530*
	- Kinh phí Đoàn Thanh niên	*146.686*		*146.686*
	- Kinh phí Hội Phụ nữ	*180.211*		*180.211*
	- Kinh phí Hội nông dân	*138.558*		*138.558*
	- Kinh phí Hội CCB	*107.094*		*107.094*
	- Kinh phí tổ chức XH khác	*196.960*		*196.960*
10	Chi cho công tác xã hội	72.037		72.037
11	Chi an ninh - quốc phòng	2.039.897		2.039.897
12	Chi khác	34.473		34.473
13	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	3.614		3.614
14	Dự phòng ngân sách	138.582		138.582
15	Nguồn chờ phân bổ	0		0

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

Biểu 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết đinh số: 03/QĐ-UBND, ngày 03/01/2024 của UBND Phường 2)

ĐVT: Nghìn đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
B	1	2	3	4	5	6
TỔNG SỐ	**264.690**	**219.690**	**45.000**	**124.500**	**115.500**	**9.000**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	**155.390**	**153.630**	**1.760**	**74.500**	**65.500**	**9.000**
- Quỹ Vì người nghèo	141.000	135.000	6.000	59.000	50.000	9.000
- Quỹ Phòng, chống thiên tai	13.630	13.630	0	13.500	13.500	0
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	760	5.000	-4.240	2.000	2.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
- Chợ			0			0
- Bến bãi			0			0
3. Nguồn vận động, đóng góp	**109.300**	**66.060**	**43.240**	**50.000**	**50.000**	0

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2

THUYẾT MINH DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 của UBND phường 2)

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước: 7.752.000.000 đồng.

2. Dự toán chi ngân sách địa phương: 7.161.917.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể: 4.275.938.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 178.440.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội: 72.037.000 đồng.

+ Chi an ninh - quốc phòng: 2.039.897.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 355.936.000 đồng (Trong đó kinh phí ban ATGT là 30.000.000 đồng).

+ Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 50.000.000 đồng.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 13.000.000 đồng.

+ Chi khác: 34.473.000 đồng.

+ Chi dự phòng ngân sách: 138.582.000 đồng.

+ Chi tạo nguồn CCTL: 3.614.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)